

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17 tháng 08 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0500313811 ngày 25 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp được chuyển đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21 tháng 09 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 8 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8: 79.968.970.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại : 04 33 545 735

Fax : 04 33 542 280

Mã số thuế : 0500313811

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh Sông Đà 11.5	KĐT Văn Quán, Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội
Chi nhánh Sông Đà 11.9	Xã Hồ Bón, Mù Căng Chải, Yên Bái
Chi nhánh Sông Đà 11.7	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Nhà máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông và bưu điện;
- Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị; Quản lý vận hành kinh doanh bán điện;
- Xây lắp hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV; Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp; Xây lắp kết cấu công trình;
- Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới thi công xây dựng và công nghệ xây dựng;
- Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện, tư vấn chuyên ngành thiết kế hệ thống điện - điện tử và tự động hóa;
- Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;
- Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh bia (bia hơi, bia tươi, bia chai, bia hộp);

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch: vận tải hàng hóa đường bộ;
- Xây dựng và lắp đặt các nhà máy xử lý nước sạch và xử lý nước thải; Xây dựng các nhà máy thủy điện, sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm;
- Lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh, chiếu sáng, thông gió, điều hòa, thông tin và điều khiển của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng, khu đô thị và nhà cao tầng;
- Cung cấp, mua bán, lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Số 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	Số 4703000491 thay đổi lần thứ nhất ngày 29/12/2009	51%
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long	BT3, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	Số 050058951 thay đổi lần thứ 4 ngày 11/5/2010	36%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng	Bản Tin Tốc, Xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Số 5500378582 thay đổi lần thứ 3 ngày 18/8/2009	25%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 48).

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch	21 tháng 04 năm 2010	
Ông Nguyễn Đăng Bí	Ủy viên	31 tháng 08 năm 2004	
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	31 tháng 08 năm 2004	
Ông Đoàn Ngọc Ly	Ủy viên	10 tháng 04 năm 2008	
Ông Nguyễn Văn Sơn	Ủy viên	21 tháng 04 năm 2010	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Anh Vinh	Trưởng ban	06 tháng 08 năm 2009
Ông Ngô Văn Đễ	Thành viên	30 tháng 08 năm 2004
Ông Đặng Xuân Thư	Thành viên	30 tháng 08 năm 2004

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc	29 tháng 04 năm 2010	
Ông Nguyễn Đăng Bí	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2004	01 tháng 09 năm 2011
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc	24 tháng 11 năm 2011	
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 03 năm 2006	
Ông Phạm Lạp	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 08 năm 2010	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Sơn

Ngày 30 tháng 03 năm 2012

Số: 187/2012/BCTC-KTTV-KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2012, từ trang 07 đến trang 48 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Tư

Số chứng chỉ kiểm toán viên: Đ.0059/KTV

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Hoàng Thị Việt

Số chứng chỉ kiểm toán viên: 0374/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		606,947,493,973	549,621,166,621
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	40,108,270,169	35,570,745,666
1.	Tiền	111		29,108,270,169	26,770,745,666
2.	Các khoản tương đương tiền	112		11,000,000,000	8,800,000,000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		325,523,278,005	339,616,838,637
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	288,112,580,795	288,226,733,922
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	25,754,671,210	48,090,409,239
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.4	12,245,695,303	3,770,470,881
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(589,669,303)	(470,775,405)
IV.	Hàng tồn kho	140		208,745,829,587	148,069,773,347
1.	Hàng tồn kho	141	V.6	208,745,829,587	148,069,773,347
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		32,570,116,212	26,363,808,971
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	39,438,124	53,592,954
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		734,881,008	4,762,577,213
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	13,186,952	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	31,782,610,128	21,547,638,804

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		216,149,767,267	224,314,348,286
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		162,473,351,322	172,022,211,372
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	130,954,843,483	119,193,988,751
	<i>Nguyên giá</i>	222		184,714,961,233	162,623,800,510
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(53,760,117,750)	(43,429,811,759)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	5,645,485,697	5,818,432,733
	<i>Nguyên giá</i>	228		6,827,290,426	6,827,290,426
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,181,804,729)	(1,008,857,693)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	25,873,022,142	47,009,789,888
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		45,909,209,696	43,971,787,569
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	19,257,209,696	17,319,787,569
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	26,652,000,000	26,652,000,000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		5,732,206,249	5,545,349,345
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	5,721,706,249	5,502,349,345
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.16	10,500,000	43,000,000
VI.	Lợi thế thương mại	269	V.17	2,035,000,000	2,775,000,000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		823,097,261,240	773,935,514,907

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		588,978,896,916	548,448,867,148
I.	Nợ ngắn hạn	310		541,801,490,270	481,301,254,642
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	134,860,682,470	94,733,758,507
2.	Phải trả người bán	312	V.19	177,314,835,152	165,403,123,369
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.20	86,745,117,584	135,498,787,522
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	22,176,409,352	10,996,661,823
5.	Phải trả người lao động	315		33,445,792,324	27,513,746,390
6.	Chi phí phải trả	316	V.22	37,583,952,294	14,569,225,152
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	48,345,338,343	31,226,338,649
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	1,329,362,751	1,359,613,230
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		47,177,406,646	67,147,612,506
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.25	43,363,538,545	61,704,541,233
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	1,332,359,261	1,117,802,658
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.27	2,481,508,840	4,325,268,615
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		181,469,766,950	168,851,793,839
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.28	181,469,766,950	168,851,793,839
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		79,968,970,000	79,968,970,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		32,546,580,408	32,296,580,408
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		(128,058,585)	(128,058,585)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		38,437,015,825	32,213,253,801
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		3,831,578,038	2,941,472,470
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		26,813,681,264	21,559,575,745
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C -	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.29	52,648,597,374	56,634,853,920
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		823,097,261,240	773,935,514,907

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ỉ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		8,092,639,768	8,092,639,768
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		200.68	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	733,539,865,728	747,298,425,826
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18,181,112	33,689,615
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		733,521,684,616	747,264,736,211
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	620,724,963,238	653,221,872,559
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		112,796,721,378	94,042,863,652
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,941,284,374	7,647,333,232
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	34,476,824,919	19,940,428,122
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		32,736,572,097	19,079,970,795
8.	Chi phí bán hàng	24		-	3,450,000
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	53,980,650,092	51,504,929,616
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26,280,530,741	30,241,389,146
11.	Thu nhập khác	31	VI.6	1,965,267,204	5,581,559,644
12.	Chi phí khác	32	VI.7	1,172,003,498	1,600,235,726
13.	Lợi nhuận khác	40		793,263,706	3,981,323,918
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.8	2,140,029,749	3,411,030,521
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29,213,824,196	37,633,743,585
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		5,623,949,661	9,268,690,109
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23,589,874,535	28,365,053,476
18.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		5,302,460,174	6,643,223,804
18.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		18,287,414,361	21,721,829,672
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2,288	3,533

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngu

Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		29,213,824,196	37,633,743,585
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.10;11	12,815,466,674	11,898,977,988
-	Các khoản dự phòng	03	VI.5	118,893,898	422,759,774
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(386,303,125)	(5,166,735,057)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4	32,736,572,097	19,079,970,795
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		74,498,453,740	63,868,717,085
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		79,509,367,860	(88,460,580,474)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(60,676,056,240)	47,372,035,740
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(46,708,454,411)	(38,337,300,307)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(205,202,074)	(1,541,924,682)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(32,735,483,437)	(18,871,994,980)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(3,003,261,730)	(10,846,963,882)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		32,500,000	2,532,514,991
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1,552,336,044)	(2,428,615,049)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9,159,527,664	(46,714,111,558)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(18,307,120,117)	(47,004,253,487)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.6	386,929,001	547,565,000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	39,300,000,000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(3,731,730,120)	(4,252,000,000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	39,725,000	4,150,056,156
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21,612,196,236)	(7,258,632,331)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	22,477,560,000
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(1,000,000)
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	243,025,211,021	151,121,128,160
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18;25	(221,239,289,746)	(180,313,315,344)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4,795,728,200)	(7,510,950,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16,990,193,075	(14,226,577,184)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4,537,524,503	(68,199,321,073)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	35,570,745,666	103,770,066,739
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	40,108,270,169	35,570,745,666

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngr

Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Sông Đà 11 (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn

của công ty mẹ : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Xây dựng

3. Hoạt động kinh doanh chính :

- Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;
- Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
- Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp, đường dây tải điện trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV, kết cấu công trình, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị;
- Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
- Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Tổng số các công ty con : 03

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: -

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Số 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	67%	51%
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long (*)	BT3, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	36%	60%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông (**)	Bản Tin Tộc, Xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	59%	70%

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long với tỷ lệ cổ phần sở hữu là 36% nhưng Công ty Cổ phần Sông Đà 11 có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số (3/5) thành viên hội đồng quản trị của Công ty này. Do vậy Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long bị Công ty Cổ phần Sông Đà 11 kiểm soát và được hợp nhất trong báo cáo tài chính này.

(**) Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 trong Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông là 70% bao gồm:

Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 25%

Tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp qua Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long là 40%

Tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 là 5%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật điện Sông Đà	Lô 141, Khu giãn dân Mỗ Lao, phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	36,12%	36,12%
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	Số nhà A86 TT 9, Khu đô thị mới Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	36%	36%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có 1.668 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 1.728 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị sổ sách thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ được xác định trên cơ sở giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ theo công thức sau:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất kinh doanh} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{tính trước} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{phụ phí} \\ \text{(nếu có)} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{ước tính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Lãi vay} \\ \text{ước tính} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

Riêng thiết bị của nhà máy Thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản lượng và thời gian khấu hao là 25 năm.

9. Tài sản cố định vô hình

Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà

Giá trị lợi thế kinh doanh của Tập đoàn và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc từ 1%-2% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Hợp đồng xây dựng

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính.

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.003.659.234	2.338.671.820
Tiền gửi ngân hàng	25.104.610.935	24.196.499.384
Tiền đang chuyển	-	235.574.462
Các khoản tương đương tiền	11.000.000.000	8.800.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	<u>11.000.000.000</u>	<u>8.800.000.000</u>
Cộng	<u>40.108.270.169</u>	<u>35.570.745.666</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về khối lượng xây lắp	248.381.827.711	268.005.985.660
Phải thu về cung cấp điện, nước	36.349.037.600	17.931.933.453
Phải thu tiền bán thành phẩm	3.381.715.484	2.288.814.809
Cộng	<u>288.112.580.795</u>	<u>288.226.733.922</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về khối lượng xây lắp	19.803.216.971	42.140.696.346
Trả trước cho nhà cung cấp vật tư, thiết bị	5.352.062.841	5.913.962.893
Trả trước cho nhà cung cấp điện	10.000.000	-
Trả trước cho nhà cung cấp dịch vụ	525.248.900	-
Trả trước cho nhà cung cấp khác	64.142.498	35.750.000
Cộng	<u>25.754.671.210</u>	<u>48.090.409.239</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của CBCNV	2.012.577.568	696.850.335
Tiền lãi trái phiếu dự thu	66.207.500	511.597.222
Phải thu các đội công trình	5.119.029.639	2.000.000
Tiền đền bù đã trả hộ chủ đầu tư chưa quyết toán	522.245.922	513.992.521
Tiền điện BĐH DA thủy điện Hòa Na thu hộ	2.491.848.729	-
Tiền đền bù phải thu của Công trình Buôn Kuốp - Đăknông	333.165.350	-
Phải thu Sở tài chính tiền thuê đất được giảm	158.503.664	-
Tiền tạm ứng phải thu các CBCNV đã nghỉ việc	208.094.908	-
Các khoản phải thu khác	<u>1.334.022.023</u>	<u>2.046.030.803</u>
Cộng	<u>12.245.695.303</u>	<u>3.770.470.881</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(589.669.303)	(470.775.405)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(88.217.147)	(83.408.128)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(104.171.379)	(23.131.500)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(397.280.777)	(364.235.777)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi		
Cộng	<u>(589.669.303)</u>	<u>(470.775.405)</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	470.775.405	48.015.631
Trích lập dự phòng bổ sung	118.893.898	470.775.405
Hoàn nhập dự phòng		
Giảm khác		(48.015.631)
Số cuối năm	<u>589.669.303</u>	<u>470.775.405</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	582.565.449	153.135.570
Nguyên liệu, vật liệu	47.265.119.474	18.733.542.821
Công cụ, dụng cụ	488.930.955	413.378.433
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	159.372.905.361	127.733.408.175
Thành phẩm	1.036.308.348	1.036.308.348
Cộng	<u>208.745.829.587</u>	<u>148.069.773.347</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	30.859.955	25.592.954
Chi phí thuê nhà	-	28.000.000
Chi phí sửa chữa	8.578.169	-
Cộng	<u>39.438.124</u>	<u>53.592.954</u>

8. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Là khoản thuế TNDN nộp thừa.

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	31.685.549.909	21.489.138.804
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	47.060.219	8.500.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	50.000.000	50.000.000
Cộng	<u>31.782.610.128</u>	<u>21.547.638.804</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	57.009.731.010	70.341.313.719	32.775.357.049	2.497.398.732	162.623.800.510
Tăng trong năm	22.448.384.792	941.479.000	803.181.818	248.043.272	24.441.088.882
Mua sắm mới	18.876.378.221	941.479.000	803.181.818	248.043.272	20.869.082.311
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.572.006.571	-	-	-	3.572.006.571
Giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán	-	(1.796.391.760)	-	(553.536.399)	(2.349.928.159)
Số cuối năm	79.458.115.802	69.486.400.959	33.578.538.867	2.191.905.605	184.714.961.233
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	9.820.793.235	18.633.579.219	13.270.537.650	1.704.901.655	43.429.811.759
Tăng trong năm do trích khấu hao	3.607.416.462	4.912.153.103	3.852.763.699	270.186.374	12.642.519.638
Giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán	-	(1.736.677.248)	-	(575.536.399)	(2.312.213.647)
Số cuối năm	13.428.209.697	21.809.055.074	17.123.301.349	1.399.551.630	53.760.117.750
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	47.188.937.775	51.707.734.500	19.504.819.399	792.497.077	119.193.988.751
Số cuối năm	66.029.906.105	47.677.345.885	16.455.237.518	792.353.975	130.954.843.483

Tài sản cố định của Nhà máy thủy điện Thác Trắng có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 83.017.105.614 VND và 64.181.344.688 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên.

Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 14.958.799.921 VND và 12.058.861.382 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Giá trị lợi thế kinh doanh	Giá trị thương hiệu	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	5.097.820.000	729.470.426	1.000.000.000	6.827.290.426
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	5.097.820.000	729.470.426	1.000.000.000	6.827.290.426
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	425.524.357	583.333.336	1.008.857.693
Khấu hao trong năm	-	72.947.040	99.999.996	172.947.036
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	-	571.418.437	783.333.328	1.181.804.729
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.097.820.000	303.946.069	416.666.664	5.818.432.733
Số cuối năm	5.097.820.000	158.051.989	216.666.672	5.645.485.697

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển giảm khác (*)	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	28.958.738.784	8.511.377.235	20.686.855.038	15.002.798.981	1.780.462.000
Tầng 7 tòa nhà Sông Đà Hà Đông	28.958.738.784	4.920.438.418	18.876.378.221	15.002.798.981	-
Mua sắm TSCĐ khác	-	3.590.938.817	1.810.476.817	-	1.780.462.000
XDCB dở dang	18.051.051.104	9.373.884.879	3.572.006.571	-	23.852.929.412
Dự án khai thác và SX đá XD	1.956.687.576	2.382.751.818	-	-	4.339.439.394
Văn phòng làm việc	1.849.700.208	1.467.753.636	3.317.453.844	-	-
Dự án KDC Hòa Bình	187.456.459	1.086.813.154	-	-	1.274.269.613
Khu ĐT Nhơn Trạch - Đồng Nai	1.873.546.265	330.922.726	-	-	2.204.468.991
Khu đô thị Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	3.787.482.022	-	-	-	3.787.482.022
Công trình nhà văn phòng Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	-	254.552.727	254.552.727	-	-
Công trình nhà văn phòng Chi nhánh Sông Đà 11.2 Thăng Long	-	161.000.000	-	-	161.000.000
Nhà máy thủy điện To Buông	8.396.178.574	3.690.090.818	-	-	12.086.269.392
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	239.630.730	-	-	239.630.730
Cộng	47.009.789.888	18.124.892.844	24.258.861.609	15.002.798.981	25.873.022.142

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Kết chuyển giảm khác là kết chuyển vào giá vốn tương ứng với diện tích chuyển nhượng lại một phần tầng 7 được chuyển nhượng cho Công ty TNHH Smatec, Công ty TNHH Kiến trúc Công trình và Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Việt Hưng

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà ⁽ⁱ⁾	Xây lắp và Dịch vụ	36,12%	8.664.343.642	33,12%	8.020.438.559
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà ⁽ⁱⁱ⁾	Xây lắp và Dịch vụ	36%	10.592.866.054	36%	9.299.349.010
Cộng			19.257.209.696		17.319.787.569

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102174012 ngày 12 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà 5.000.000.000 VND, tương đương 33,12% vốn điều lệ. Trong năm Tập đoàn đã mua thêm 52.500 cổ phiếu với giá mua là 639.956.640 VND và nhận 80.000 cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 632.500 cổ phiếu, tương đương 36,12% vốn điều lệ (Số đầu năm là 500.000 cổ phiếu, tương đương 33,12% vốn điều lệ).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103042561 ngày 20 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Tập đoàn đã góp đủ vốn điều lệ đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Giá gốc khoản đầu tư tăng thêm	Phân lãi hoặc lỗ trong năm	Các khoản khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	8.020.438.559	649.956.640	634.564.798	(640.616.355)	8.664.343.642
<i>Trong đó</i>					
<i>Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu</i>				169.071.863	
<i>Giảm do phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi</i>				(809.688.218)	
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	9.299.349.010	-	1.505.464.951	(211.947.907)	10.592.866.054
<i>Trong đó</i>					
<i>Giảm do phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi</i>				(211.947.907)	
Cộng	17.319.787.569	649.956.640	2.140.029.749	(852.564.262)	19.257.209.696

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác		26.652.000.000		11.652.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà ⁽ⁱ⁾	595.200	5.952.000.000	595.200	5.952.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực đầu khí Nhơn Trạch 2 ⁽ⁱⁱ⁾	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	2.200.000.000	-	2.200.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	1.500.000	15.000.000.000	-	-
Trái phiếu (kỳ hạn 36 tháng)	-	-		15.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	-	1.500.000	15.000.000.000
Cộng		26.652.000.000		26.652.000.000

(i) Tổng vốn góp vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà theo đăng ký là 8.000.000.000 VND, chiếm 10% vốn điều lệ, trong đó: từ nguồn vốn của Công ty là 4.000.000.000 VND, các cá nhân góp vốn ủy thác qua Công ty là 4.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2011, số thực góp là 5.952.000.000 VND, trong đó từ ủy thác là 2.022.500.000 VND.

(ii) Mua cổ phần ủy thác qua Tập đoàn Sông Đà.

(iii) Mua cổ phần ủy thác qua Tập đoàn Sông Đà. Trong đó, tiền mua cổ phần là 2.000.000.000 VND, phí ủy thác là 200.000.000 VND.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Chi phí công cụ dụng cụ	1.916.834.737	2.720.995.499	2.822.940.836	-	1.814.889.400
Chi phí bóc phủ khai thác dự án đá	1.639.545.454	-	327.909.091	-	1.311.636.363
Thương hiệu Sông Đà	1.137.500.000	-	150.000.000	-	987.500.000
Lợi thế thương mại	568.750.000	-	75.000.000	-	493.750.000
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	59.008.419	-	59.008.419	-	-
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	79.877.381	-	79.877.381	-	-
Chi phí ISO	100.833.354	-	40.326.669	-	60.506.685
Chi phí mở rộng, cải tạo lòng hồ		1.316.779.752	263.355.951	-	1.053.423.801
Cộng	5.502.349.345	4.037.775.251	3.818.418.347	-	5.721.706.249

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ dài hạn.

17. Lợi thế thương mại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	3.700.000.000	3.700.000.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh		
Số cuối năm	<u>3.700.000.000</u>	<u>3.700.000.000</u>
Số đã phân bổ		
Số đầu năm	(925.000.000)	(185.000.000)
Phân bổ trong năm	(740.000.000)	(740.000.000)
Số cuối năm	<u>(1.665.000.000)</u>	<u>(925.000.000)</u>
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	<u>2.775.000.000</u>	<u>3.515.000.000</u>
Số cuối năm	<u>2.035.000.000</u>	<u>2.775.000.000</u>

18. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	<i>118.214.307.085</i>	<i>66.344.926.693</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung	49.209.173.781	32.650.522.205
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh HN	4.919.626.726	20.104.464.934
Ngân hàng NN&PTNT Láng Hạ	29.705.636.242	13.589.939.554
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Đồng Nai	14.395.556.251	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ	19.984.314.085	
Vay ngắn hạn tổ chức và cá nhân khác	<i>2.000.000.000</i>	<i>8.036.623.886</i>
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	8.036.623.886
Vay Ông Hà Văn Cường	1.000.000.000	
Vay Ông Đỗ Quang Cường	1.000.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	<i>14.646.375.385</i>	<i>20.352.207.928</i>
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên	8.830.000.000	9.406.000.000
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	1.289.700.000	2.992.191.800
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quang Trung	3.638.856.913	4.242.992.736
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	504.500.000	3.275.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	256.826.664
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh HN	126.491.808	179.196.728
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	256.826.664	
Cộng	<u>134.860.682.470</u>	<u>94.733.758.507</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	66.344.926.693	225.555.245.756	-	173.685.865.364	118.214.307.085
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	8.036.623.886	17.469.965.265		23.506.589.151	2.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	20.352.207.928	-	12.870.375.385	18.576.207.928	14.646.375.385
Cộng	<u>94.733.758.507</u>	<u>243.025.211.021</u>	<u>12.870.375.385</u>	<u>215.768.662.443</u>	<u>134.860.682.470</u>

19. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả nhà cung cấp vật tư, thiết bị	59.456.548.898	33.710.774.752
Phải trả nhà cung cấp điện	359.241.296	-
Phải trả nhà thầu xây lắp	113.901.121.313	88.184.357.715
Phải trả nhà cung cấp khác	3.597.923.645	43.507.990.902
Cộng	<u>177.314.835.152</u>	<u>165.403.123.369</u>

20. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản ứng trước liên quan đến các hợp đồng xây dựng	86.653.694.730	132.943.425.127
Các khoản ứng trước khác	91.422.854	2.555.362.395
Cộng	<u>86.745.117.584</u>	<u>135.498.787.522</u>

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.337.785.416	21.091.073.629	13.145.471.568	14.283.387.477
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.157.488.664	5.623.949.661	3.003.261.730	6.778.176.595
Thuế thu nhập cá nhân	343.429.743	769.063.467	559.674.575	552.818.635
Thuế tài nguyên	138.739.350	771.253.431	547.794.212	362.198.569
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	72.143.004	14.000.000	58.143.004
Các loại thuế khác	-	18.000.000	18.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	19.218.650	403.407.577	294.128.107	128.498.120
Cộng	<u>10.996.661.823</u>	<u>28.748.890.769</u>	<u>17.582.330.192</u>	<u>22.163.222.400</u>

Trong đó

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước :

22.176.409.352

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước(Xem TM V.8) :

13.186.952

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm	10%
Hoạt động khác	5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.213.824.196	37.633.743.585
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	176.916.036	(664.646.948)
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.316.945.785	2.846.383.573
Chi phí không hợp lệ	1.479.413.095	2.106.383.573
Tiền phạt chậm nộp thuế	15.532.690	-
Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	82.000.000	-
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	740.000.000	740.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.140.029.749)	(3.511.030.521)
Cổ tức, lợi nhuận được chia		(100.000.000)
Lãi trong Công ty liên kết	(2.140.029.749)	(3.411.030.521)
Tổng thu nhập chịu thuế	29.390.740.232	36.969.096.637
<i>Trong đó</i>		
<i>Thu nhập tính thuế được giảm 30% theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06 tháng 08 năm 2011</i>	23.425.965.048	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	7.347.685.058	9.242.274.159
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.756.947.378)	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước	33.211.981	26.415.950
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.623.949.661	9.268.690.109

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 2%/ giá tính thuế.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí các công trình	30.544.501.747	12.273.938.605
Chi phí dịch vụ đã phát sinh	602.452.652	225.754.200
Chi phí lãi vay	226.842.860	-
Tiền vật tư chưa có hóa đơn	5.575.944.339	1.972.425.344
Chi phí phải trả khác	634.210.696	97.107.003
Cộng	37.583.952.294	14.569.225.152

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	2.684.420.464	1.624.225.077
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	4.325.616.608	1.477.038.982
Phải trả các đội tiền khoán công trình	29.697.523.192	20.346.285.314
Chủ đầu tư cấp nguồn chi trả hộ tiền đền bù (chưa quyết toán)	94.543.570	601.875.561
Nhận ủy thác đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà của CBCNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Các quỹ xã hội nhân đạo	105.400.282	216.065.325
Cổ tức phải trả các cổ đông	5.088.767.855	344.201.173
Thuế thu nhập cá nhân phải trả nước Lào	824.380.737	-
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	2.502.185.635	3.594.147.217
Cộng	48.345.338.343	31.226.338.649

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	826.759.590	577.302.147	530.700.000	873.361.737
Quỹ phúc lợi	532.853.640	906.223.199	983.075.825	456.001.014
Cộng	1.359.613.230	1.483.525.346	1.513.775.825	1.329.362.751

25. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Ngân hàng DT&PT Điện Biên	30.916.546.906	39.170.546.906
Hợp đồng tín dụng 02/2004/HĐ-TDDH ⁽¹⁾	28.342.123.867	35.866.123.867
Hợp đồng tín dụng 03/2007/HĐ ⁽²⁾	2.574.423.039	3.304.423.039
Chi nhánh Ngân hàng DT&PT Đông Đô	-	89.700.000
Hợp đồng tín dụng 02.342.09/HĐTDTH ⁽³⁾	-	89.700.000
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quang Trung	647.734.804	4.448.481.717
Hợp đồng tín dụng 028/2007/HĐTD ⁽⁴⁾	286.000.000	3.141.159.257
Hợp đồng tín dụng số 200410/HĐTD ⁽⁵⁾	-	98.890.000
Hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD ⁽⁶⁾	154.819.581	587.686.797
Hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD ⁽⁷⁾	206.915.223	620.745.663

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	337.311.464	463.803.272
Hợp đồng tín dụng số 07-01.07.10/HĐTĐ ⁽⁸⁾	337.311.464	463.803.272
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	64.206.674	321.033.338
Hợp đồng vay số 090-0000889/HĐTDTDH-PN/SHB ĐNAI ⁽⁹⁾	64.206.674	321.033.338
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	11.397.738.697	17.210.976.000
Hợp đồng tín dụng số 00200012/123/09/TH ⁽¹⁰⁾	701.600.000	1.129.600.000
Hợp đồng tín dụng số 00200012/049/09/TH ⁽¹¹⁾	-	76.500.000
Hợp đồng tín dụng số 00200012/059/09/DH ⁽¹²⁾	10.696.138.697	16.004.876.000
Cộng	43.363.538.545	61.704.541.233

⁽¹⁾ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/9/2004, thời hạn vay là 138 tháng, vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của DA Thủy điện Thác Trắng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

⁽²⁾ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2007/HĐ ngày 28/02/2007, thời hạn vay 114 tháng, vay để trả lãi vay trong thời gian thi công dự án Nhà máy thủy điện Thác Trắng.

⁽³⁾ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02.342.09/HĐTDTH ngày 26/8/2009, vay để đầu tư mua máy móc thiết bị thuộc Dự án nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009.

⁽⁴⁾ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 028/2007/HĐTĐ ngày 05/3/2007, thời hạn vay 72 tháng với mục đích vay để thực hiện dự án “Khai thác và sản xuất đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường”.

⁽⁵⁾ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 200410/HĐTĐ ngày 24/4/2010, thời hạn vay 60 tháng với mục đích vay để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”.

⁽⁶⁾ Hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTĐ ngày 26 tháng 6 năm 2009 để thực hiện dự án: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”.

⁽⁷⁾ Hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTĐ ngày 26 tháng 6 năm 2009 để thực hiện dự án “ Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”.

⁽⁸⁾ Hợp đồng tín dụng số 07-01.07.10/HĐTĐ ngày 03 tháng 8 năm 2010 để thực hiện dự án “ Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”.

⁽⁹⁾ Hợp đồng vay số 090-0000889/HĐTDTDH-PN/SHB ĐNAI ngày 07 tháng 4 năm 2010, thời hạn vay 36 tháng với mục đích mua xe ô tô.

⁽¹⁰⁾ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/123/09/TH ngày 12/7/2010, thời hạn vay là 60 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành.

⁽¹¹⁾ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/049/09/TH ngày 09/9/2009, thời hạn vay là 36 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua ô tô phục vụ công tác điều hành thi công.

⁽¹²⁾ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/059/09/DH ngày 21/10/2009, thời hạn vay là 120 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7 - tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống (<i>Xem TM V.18</i>)	14.646.375.385	20.352.207.928
Trên 1 năm đến 5 năm	43.363.538.545	61.704.541.233
Trên 5 năm		
Tổng nợ	<u>58.009.913.930</u>	<u>82.056.749.161</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên	39.170.546.906	-	8.254.000.000	30.916.546.906
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	89.700.000	-	89.700.000	-
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công thương Quang Trung	4.448.481.717	161.890.000	3.638.856.913	647.734.804
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	463.803.272		126.491.808	337.311.464
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	321.033.338		256.826.664	64.206.674
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	17.210.976.000	5.308.737.303	504.500.000	11.397.738.697
Cộng	<u>61.704.541.233</u>	<u>5.470.627.303</u>	<u>12.870.375.385</u>	<u>43.363.538.545</u>

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.117.802.658	921.615.551
Số trích lập bổ sung	490.097.771	346.511.798
Số đã chi	(275.541.168)	(120.418.711)
Giảm khác	-	(29.905.980)
Số cuối năm	<u>1.332.359.261</u>	<u>1.117.802.658</u>

27. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu chưa thực hiện của hoạt động xây dựng, lắp đặt	2.279.258.840	4.123.018.615
Phí ủy thác góp vốn đầu tư	202.250.000	202.250.000
Cộng	<u>2.481.508.840</u>	<u>4.325.268.615</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	32.297.580.408	(128.058.585)	21.349.814.198	1.877.472.470	26.404.860.935	131.801.669.426
Chia cổ tức 2009 bằng cổ phiếu	7.991.410.000	-	-	-	-	-	7.991.410.000
Phát hành cho cổ đông hiện hữu	21.977.560.000	(1.000.000)	-	-	-	-	21.976.560.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	21.721.829.672	21.721.829.672
Phân phối lợi nhuận năm 2009	-	-	-	10.863.439.603	1.064.000.000	(21.460.584.598)	(9.533.144.995)
<i>Trích quỹ ĐTPT, DPTC</i>	-	-	-	<i>10.863.439.603</i>	<i>1.064.000.000</i>	<i>(11.927.439.603)</i>	-
<i>Trích thưởng Ban điều hành</i>	-	-	-	-	-	<i>(300.000.000)</i>	<i>(300.000.000)</i>
<i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	-	<i>(7.991.410.000)</i>	<i>(7.991.410.000)</i>
<i>Trích quỹ KTPL</i>	-	-	-	-	-	<i>(1.241.734.995)</i>	<i>(1.241.734.995)</i>
Tạm ứng cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	(4.994.900.000)	(4.994.900.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(111.630.264)	(111.630.264)
Số dư cuối năm trước	79.968.970.000	32.296.580.408	(128.058.585)	32.213.253.801	2.941.472.470	21.559.575.745	168.851.793.839
Số dư đầu năm nay	79.968.970.000	32.296.580.408	(128.058.585)	32.213.253.801	2.941.472.470	21.559.575.745	168.851.793.839
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	18.287.414.361	18.287.414.362
Phân phối lợi nhuận năm 2010	-	-	-	6.223.762.024	890.105.568	(13.022.675.817)	(5.908.808.225)
<i>Trích quỹ ĐTPT, DPTC</i>	-	-	-	<i>6.223.762.024</i>	<i>890.105.568</i>	<i>(7.113.867.592)</i>	-
<i>Trích quỹ KTPL</i>	-	-	-	-	-	<i>(1.113.730.025)</i>	<i>(1.113.730.025)</i>
<i>Chia cổ tức năm 2010</i>	-	-	-	-	-	<i>(4.795.078.200)</i>	<i>(4.795.078.200)</i>
Tặng, giảm khác	-	250.000.000	-	-	-	(10.633.025)	239.366.974
Số dư cuối năm nay	79.968.970.000	32.546.580.408	(128.058.585)	38.437.015.825	3.831.578.038	26.813.681.264	181.469.766.950

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	29.680.000.000	29.680.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	50.288.970.000	50.288.970.000
Thặng dư vốn cổ phần	32.546.580.408	32.296.580.408
Cổ phiếu quỹ	(128.058.585)	(128.058.585)
Cộng	<u>112.387.491.823</u>	<u>112.137.491.823</u>

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	4.790.728.200	7.991.410.000
Tạm ứng cổ tức		4.994.900.000
Cộng	<u>4.790.728.200</u>	<u>12.986.310.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.996.897	7.996.897
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.996.897	7.996.897
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.996.897	7.996.897
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.100	5.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.100	5.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.991.797	7.991.797
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.991.797	7.991.797

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

29. Lợi ích của cổ đông thiểu số

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	56.634.853.920	52.749.722.299
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	5.302.460.174	6.643.223.804
Tăng do cổ đông thiểu số góp vốn thêm vào Công ty con	-	500.000.000
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ	(2.750.000.000)	
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(4.745.216.682)	(2.831.050.000)
Giảm do thay đổi tỷ lệ lợi ích	(1.423.704.717)	(120.736.868)
Giảm do chia quỹ khen thưởng, phúc lợi	(369.795.320)	(306.305.315)
Số cuối năm	<u>52.648.597.374</u>	<u>56.634.853.920</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	733.539.865.728	747.298.425.826
Doanh thu bán điện thương phẩm	16.704.827.698	11.328.377.832
Doanh thu hoạt động xây dựng	596.871.692.274	618.181.466.849
Doanh thu hoạt động khác	119.963.345.756	117.788.581.145
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(18.181.112)	(33.689.615)
Giảm giá hàng bán	(18.181.112)	(33.689.615)
Doanh thu thuần	<u>733.521.684.616</u>	<u>747.264.736.211</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	27.105.869.935	4.737.343.515
Giá vốn của hoạt động xây dựng	536.547.083.911	548.958.912.091
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	57.072.009.392	99.525.616.953
Cộng	<u>620.724.963.238</u>	<u>653.221.872.559</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	591.247.654	595.779.978
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay	39.725.000	4.813.241.017
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	100.000.000
Lãi chậm trả	308.659.886	-
Phí bảo lãnh	397.763.776	860.457.327
Doanh thu tài chính khác	603.888.058	1.277.854.910
Cộng	<u>1.941.284.374</u>	<u>7.647.333.232</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	32.736.572.097	19.079.970.795
Phí bảo lãnh	1.715.702.822	860.457.327
Chi phí tài chính khác	24.550.000	-
Cộng	<u>34.476.824.919</u>	<u>19.940.428.122</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	31.207.438.579	29.854.888.017
Chi phí vật liệu quản lý	3.545.631.267	2.925.021.930
Chi phí đồ dung văn phòng	1.734.067.704	993.931.921
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.089.270.179	1.919.965.922
Thuế, phí và lệ phí	499.972.012	843.830.225
Chi phí dự phòng	118.893.898	470.775.405
Lợi thế thương mại	740.000.000	740.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.142.643.771	5.421.900.291
Chi phí bằng tiền khác	7.902.732.682	8.334.615.905
Cộng	<u>53.980.650.092</u>	<u>51.504.929.616</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý tài sản cố định	386.929.001	145.928.636
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản góp vốn	-	2.565.539.679
Hoàn nhập chi phí trích trước	-	290.592.534
Thu từ cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	710.720.048	1.187.063.320
Xử lý công nợ không phải trả	368.871.623	307.775.000
Thu phí bảo lãnh	113.521.984	-
Thu từ bán vật tư	-	990.161.428
Thu nhập khác	385.224.548	94.499.047
Cộng	<u>1.965.267.204</u>	<u>5.581.559.644</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	37.714.512	99.562.814
Xử lý công nợ không có khả năng thu hồi	-	160.647.606
Tiền phạt chậm nộp thuế, BHXH	1.020.692.644	293.923.468
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản góp vốn	-	-
Chi phí bán vật tư	-	980.103.638
Chi phí khác	113.596.342	65.998.200
Cộng	<u>1.172.003.498</u>	<u>1.600.235.726</u>

8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	2.140.029.749	3.411.030.521
Cộng	<u>2.140.029.749</u>	<u>3.411.030.521</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.287.414.361	21.721.829.672
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.287.414.361	21.721.829.672
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.991.797	6.148.003
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.288</u>	<u>3.533</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.991.797	4.994.900
Ảnh hưởng của việc tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	353.962
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu để chia cổ tức	-	799.141
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>7.991.797</u>	<u>6.148.003</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà 11 bằng giá trị tài sản, công nợ	-	7.200.000.000
Chia cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu	-	7.991.410.000
Cộng	<u>-</u>	<u>15.191.410.000</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Tập đoàn cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh VIII.5 đến VIII.9 dưới đây.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.233.355.832	1.292.974.064
Phụ cấp	738.000.000	464.000.000
Cộng	<u>1.971.355.832</u>	<u>1.756.974.064</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Sông Đà	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tập đoàn Sông Đà</i>		
Phụ phí công trình Nậm Chiến đã trả	313.203.534	330.359.929
Nhận ứng trước tiền CT Thủy điện Nậm Chiến	11.911.796.466	4.058.293.894
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà</i>		
Tiền cổ tức năm 2008	-	100.000.000
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà</i>		
Giá trị khối lượng công trình được cung cấp	63.143.210.132	71.680.586.487
Thuế GTGT	6.314.321.013	7.168.058.649
Cho vay vốn lưu động	-	25.954.486.663
Doanh thu bán điện trong năm	826.795	-
Thuế GTGT	82.680	-
Giảm trừ doanh thu do quyết toán	(18.181.112)	-
Thuế GTGT	(1.818.111)	-
Thu hồi vốn vay	6.314.321.013	25.954.486.663
Lãi vay vốn lưu động	-	718.798.568
Góp vốn bằng tài sản và công nợ	-	7.200.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tập đoàn Sông Đà</i>	<u>364.235.777</u>	<u>364.235.777</u>
Phải thu về công trình xây dựng	364.235.777	364.235.777
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà</i>	<u>9.562.941.437</u>	<u>16.859.021.692</u>
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	9.562.941.437	16.859.021.692
Cộng nợ phải thu	<u>9.927.177.214</u>	<u>17.223.257.469</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tập đoàn Sông Đà</i>	<i>1.903.853</i>	<i>4.058.855.247</i>
Phải trả về phụ phí công trình Nậm Chiến	1.903.853	561.353
Phải trả về tiền ứng trước công trình Nậm Chiến	-	4.058.293.894
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà</i>	<i>30.697.781.993</i>	<i>26.809.832.277</i>
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	30.697.781.993	26.809.832.277
Cộng nợ phải trả	<u>30.699.685.846</u>	<u>30.868.687.524</u>
3. Chi phí lãi vay vốn hoá	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay riêng biệt		2.300.558.928
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay chung		
Tổng chi phí lãi vay vốn hoá		<u>2.300.558.928</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực ngoài xây lắp: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	596.853.511.162	136.668.173.454		733.521.684.616
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	78.294.670.716	64.336.245	(78.359.006.961)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>675.148.181.878</u>	<u>136.732.509.699</u>	<u>(78.359.006.961)</u>	<u>733.521.684.616</u>
Chi phí bộ phận	(658.158.052.300)	(94.102.231.746)	78.294.670.716	(673.965.613.330)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	16.990.129.578	42.630.277.953		59.556.071.286
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(740.000.000)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				58.816.071.286
Doanh thu hoạt động tài chính				1.941.284.374
Chi phí tài chính				(34.476.824.919)
Thu nhập khác				1.965.267.204
Chi phí khác				(1.172.003.498)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				2.140.029.749
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(5.623.949.661)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				<u>23.589.874.535</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	618.147.777.234	129.116.958.977		747.264.736.211
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	72.115.667.933	-	(72.115.667.933)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>690.263.445.167</u>	<u>129.116.958.977</u>	<u>(72.115.667.933)</u>	<u>747.264.736.211</u>
Chi phí bộ phận	(666.511.184.120)	(109.594.735.988)	72.115.667.933	(703.990.252.175)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	23.752.261.047	19.522.222.989		43.274.484.036
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(740.000.000)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				42.534.484.036
Doanh thu hoạt động tài chính				7.647.333.232
Chi phí tài chính				(19.940.428.122)
Thu nhập khác				5.581.559.644
Chi phí khác				(1.600.235.726)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				3.411.030.521
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(9.268.690.109)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				<u>28.365.053.476</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	461.835.015.370	133.370.289.064		595.205.304.434
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				227.891.956.806
Tổng tài sản				823.097.261.240
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	380.310.530.029	43.287.910.359	-	423.598.440.388
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				165.380.456.528
Tổng nợ phải trả				588.978.896.916
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	524.712.211.886	133.370.289.064		658.082.500.950
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				167.893.210.538
Tổng tài sản				825.975.711.488
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	443.187.726.545	43.287.910.359		486.475.636.904
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				61.973.230.244
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				548.448.867.148

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.108.270.169	35.570.745.666	40.108.270.169	35.570.745.666
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	26.652.000.000	26.652.000.000	26.652.000.000	26.652.000.000
Phải thu khách hàng	287.522.911.492	287.755.958.517	287.522.911.492	287.755.958.517
Các khoản phải thu khác	12.353.255.522	3.871.970.881	12.353.255.522	3.871.970.881
Cộng	366.636.437.183	353.850.675.064	366.636.437.183	353.850.675.064
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	178.224.221.015	156.438.299.740	178.224.221.015	156.438.299.740
Phải trả cho người bán	177.314.835.152	165.403.123.369	177.314.835.152	165.403.123.369
Các khoản phải trả khác	120.707.442.222	74.427.112.849	120.707.442.222	74.427.112.849
Cộng	476.246.498.389	396.268.535.958	476.246.498.389	396.268.535.958

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.10). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối năm		
Tài sản cố định là trụ sở làm việc và một số máy móc thiết bị	12.058.861.382	Việc thế chấp tài sản kết thúc khi Tập đoàn hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng
Nhà cửa, vật kiến trúc	29.768.729.731	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay với mục đích thực hiện dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Thác Trắng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên
Máy móc và thiết bị	34.412.614.957	
Cộng	<u>76.240.206.070</u>	
Số đầu năm		
Tài sản cố định là một số máy móc thiết bị	4.495.606.843	Việc thế chấp tài sản kết thúc khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng
Nhà cửa, vật kiến trúc	31.313.520.391	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay với mục đích thực hiện dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Thác Trắng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên
Máy móc và thiết bị	35.620.872.728	
Cộng	<u>71.429.999.962</u>	

7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này, khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	134.860.682.470	43.363.538.545	-	178.224.221.015
Phải trả cho người bán	177.314.835.152	-	-	177.314.835.152
Các khoản phải trả khác	119.375.082.961	1.332.359.261	-	120.707.442.222
Cộng	431.550.600.583	44.695.897.806	-	476.246.498.389
Số đầu năm				
Vay và nợ	94.733.758.507	61.704.541.233	-	156.438.299.740
Phải trả cho người bán	165.403.123.369	-	-	165.403.123.369
Các khoản phải trả khác	73.309.310.191	1.117.802.658	-	74.427.112.849
Cộng	333.446.192.067	62.822.343.891	-	396.268.535.958

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ ở mức trung bình. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay		
Tăng	2%	(2.673.363.315)
Giảm	-2%	2.673.363.315
Năm trước		
Tăng	2%	(2.346.574.496)
Giảm	-2%	2.346.574.496

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

10. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) tại Hà Nội.

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn